

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 649/DS-ST.

Ngày: 14/6/2019

V/v: “Tranh chấp về thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Trung Tính.

2. Bà Lê Thị Nhanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Đoàn Bích Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 928/2017/TLST – DS ngày 17 tháng 10 năm 2017 “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1877/2019/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3100/2019/QĐST-DS ngày 15/5/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Ngọc C, sinh năm 1964; nơi cư trú: 345/30/4 A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Hoàng Giang Thường, sinh năm 1971; nơi cư trú: 345/21 A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1928; nơi cư trú: A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp: Ông Hoàng Bội T, sinh năm 1967; nơi cư trú: A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh - đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền lập ngày 15/3/2018)(có mặt).

3.2 Bà Hoàng Thị Bích L, sinh năm 1952; nơi cư trú: 164 đường A, phường B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3.3 Bà Hoàng Thị Bích D, sinh năm 1955; nơi cư trú: 9950 A, 1701 Houston Texas 77036 USA.

Người đại diện hợp pháp: Bà Hoàng Thị Lâm C, sinh năm 1962; nơi cư trú: 91/27 A, phường B quận Tân phú, Thành phố Hồ Chí Minh - đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền lập ngày 04/12/2017)(có mặt).

3.4 Bà Hoàng Thị Ngọc Y, sinh năm 1958; nơi cư trú: 262 khu phố A, phường B, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lý Hoàng M, sinh năm 1958; nơi cư trú: 262 khu phố 4, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh - đại diện ủy quyền (Văn bản ủy quyền lập ngày 31/5/2018)(vắng mặt).

3.5 Ông Hoàng Đức H, sinh năm 1961; nơi cư trú: A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3.6 Bà Hoàng Thị Lâm C, sinh năm 1962; nơi cư trú: 91/27 Trần Tấn, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3.7 Ông Hoàng Bội T, sinh năm 1967; nơi cư trú: A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3.8 Bà Nguyễn Thị Thanh D, sinh năm 1971; nơi cư trú: A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin không tham gia phiên họp hòa giải và đề nghị xét xử vắng mặt).

3.9 Bà Hoàng Trinh T, sinh năm 1997; nơi cư trú: A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin không tham gia phiên họp hòa giải và đề nghị xét xử vắng mặt).

3.10 Bà Lữ Thị H, sinh năm 1974; nơi cư trú: A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin không tham gia phiên họp hòa giải và đề nghị xét xử vắng mặt).

3.11 Ông Hoàng Trinh P, sinh năm 1997; nơi cư trú: A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin không tham gia phiên họp hòa giải và đề nghị xét xử vắng mặt).

3.12 Trẻ Hoàng Trinh T, sinh năm 2006; nơi cư trú: A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh - Đại diện hợp pháp là ông Hoàng Giang Thường - cha ruột (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Hoàng Thị Ngọc C bày:

Bà là con của ông Hoàng Văn T và bà Phạm Thị H. Cha mẹ bà chung sống có 08 người con chung: Hoàng Thị Bích L, sinh năm 1952; Hoàng Thị Bích D, sinh năm 1955; Hoàng Thị Ngọc Y, sinh năm 1958; Hoàng Đức H, sinh năm 1961; Hoàng Thị Lâm C, sinh năm 1962; Hoàng Thị Ngọc C, sinh năm 1964; Hoàng Bội T, sinh năm 1967; Hoàng Giang T, sinh năm 1971.

Cha mẹ bà không có con riêng, con nuôi.

Bà Phạm Thị H chết ngày 13/5/2015, có giấy chứng tử số 63 ngày 14/5/2015 của Ủy ban nhân dân phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà ngoại bà là bà Tăng Thị H (đã chết trước năm 1975), ông ngoại là Phạm Xuân H (đã chết trước năm 1975). Ông bà ngoại đã chết từ lâu bà và các anh chị em không thể cung cấp giấy chứng tử.

Mẹ bà chết không để lại di chúc.

Cha mẹ bà chung sống có tạo lập được tài sản chung là quyền sử dụng đất và nhà ở tại A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BB829253, vào sổ số CH04651 do chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/06/2010.

Nay bà yêu cầu chia thừa kế của mẹ bà căn nhà A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo pháp luật.

2. Bị đơn ông Hoàng Giang T trình bày:

Ông xác định những người thừa kế và hàng thừa kế thứ nhất của bà Phạm Thị H như nguyên đơn trình bày là đúng.

Ông xác định nhà, đất số A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sử dụng, sở hữu của cha mẹ ông là ông Hoàng Văn T và bà Phạm Thị H. Hiện căn nhà này do ông, vợ và hai đứa con ở cùng cha là ông Hoàng Văn T. Vợ ông với tư cách cá nhân và tư cách giám hộ cho hai con cùng ông đều có đơn xin không tham gia hoà giải và đề nghị xét xử vắng mặt.

Ông cho rằng việc ba ông yêu cầu chia thừa kế là do tác động của các anh chị. Nguyên vọng của ông là để ba ông tiếp tục ở cùng ông trong căn nhà trên cho đến khi ba ông chết rồi mới chia.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Hoàng Bội T với tư cách cá nhân và tư cách đại diện theo uỷ quyền của bà Hoàng Thị Bích L, ông Hoàng Văn T trình bày:

Ông thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn về người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Phạm Thị H. Các ông bà yêu cầu phát mãi căn nhà để chia thừa kế tài sản của bà Hiền là $\frac{1}{2}$ căn nhà A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật tại thời điểm này vì ba ông cần tiền chữa bệnh. Việc ông Thường cho rằng có sửa chữa nhà, đề nghị ông Thường phải xuất trình chứng cứ để chứng minh.

3.2 Bà Hoàng Thị Lâm C với tư cách cá nhân và tư cách đại diện theo uỷ quyền của bà Hoàng Thị Bích Dung trình bày:

Bà xác nhận người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ 1 của bà H như nguyên đơn trình bày là đúng. Bà đồng ý ý kiến của nguyên đơn và ý kiến của ông Hoàng Bội Thường đề nghị Tòa án phát mãi căn nhà để chia thừa kế của bà Phạm Thị H theo pháp luật.

3.3 Ông Lý Hoàng M đại diện theo uỷ quyền của bà Hoàng Thị Ngọc Y trình bày:

Ông xác nhận người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ 1 của bà H như nguyên

đơn trình. Ông có ý kiến giống với ý kiến của nguyên đơn và đề nghị Tòa án chia tài sản thừa kế của Phạm Thị H theo pháp luật.

2.4 Ông Hoàng Đức o trình bày:

Ông xác nhận người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ 1 của bà Hi như nguyên đơn trình bày. Mẹ ông là bà Phạm Thị Hiền chết, ông bà ngoại của ông chết trước mẹ ông. Hiện bà H còn chồng là ông Hoàng Văn T và 08 người con chung.

Ông có ý kiến giống với ý kiến của nguyên đơn và đề nghị Tòa án chia tài sản thừa kế của Phạm Thị H theo pháp luật.

4. Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ yêu cầu khởi kiện, đề nghị được nhận nhà, bà sẽ hoàn tiền cho các đồng thừa kế. Bà tự nguyện chịu chi phí thẩm định giá, không yêu cầu các đồng thừa kế hoàn trả.

- Các đương sự khác không có ý kiến khác với ý kiến đã trình bày tại các phiên hoà giải có trong hồ sơ. Các đương sự không tranh chấp về người thừa kế, hàng thừa kế.

- Các đương sự thống nhất giá trị quyền sử dụng đất đối với tài sản tranh chấp thừa kế theo chứng thư thẩm định số 0296/2018/CT ngày 29/6/2018 của Công ty TNHH Tư vấn và thẩm định Vaska.

- Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Toà án đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Toà án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Việc xác định quan hệ pháp luật giải quyết “Tranh chấp về tài sản thừa kế”, xác định tư cách tố tụng, xác minh nhân thân của người để lại tài sản thừa kế, thu thập chứng cứ, hoà giải... là đúng pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Toà án xem xét theo hướng

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xác định di sản của bà Phạm Thị H là 1/2 trị giá quyền sử dụng đất, quyền sở hữu căn nhà A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà Phạm Thị H tại thời điểm mở thừa kế gồm chồng và các con: ông Hoàng Văn T, Hoàng Thị Bích L, Hoàng Thị Bích D, Hoàng Thị Ngọc Y, Hoàng Đức H, Hoàng Thị Lâm C, Hoàng Thị Ngọc C, Hoàng Bội Th, Hoàng Giang T.

- Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia di sản thừa kế của bà Phạm Thị H theo pháp luật. Tính án phí theo quy định và miễn án phí cho những người thừa kế có đơn xin miễn do đủ điều kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe đương sự có mặt tại phiên tòa trình bày, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Hoàng Thị Ngọc C xuất trình chứng cứ là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BB829253, vào sổ số CH04651 do chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/06/2010, khai sinh của bà; khai tử của bà Phạm Thị H yêu cầu phân chia tài sản thừa kế của bà Hiền theo pháp luật.

Ngày 24/11/2017, bị đơn ông Hoàng Giang T có đơn liệt kê số tiền đã sửa chữa nhà tranh chấp là 10 lượng vàng SJC và 40.000.000 đồng. Toà án đã hướng dẫn thủ tục yêu cầu phản tố nhưng ông Thường không thực hiện và ngày 15/6/2018 ông đã có văn bản rút lại yêu cầu này.

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Các ông bà Nguyễn Thị Thanh D, Hoàng Trinh T, Lữ Thị H, Hoàng Trinh P có đơn xin không tham gia phiên họp hòa giải và đề nghị xét xử vắng mặt. Riêng bị đơn, ngày 11/12/2018, Toà án đã có thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải ấn định thời gian là ngày 28/12/2018, ông Thường đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt. Toà án đã hoãn phiên họp, thông báo lại thời gian mở lại phiên họp hoà giải là ngày 12/4/2019. Ông Thường đã được tổng đạt hợp lệ nhưng tiếp tục vắng mặt, Toà án đã tiến hành lập biên bản về việc vắng mặt bị đơn tại phiên họp hoà giải ngày 12/4/2019 và có Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1877/2019/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2019 đã được tổng đạt hợp lệ. Ngày 15/5/2019, bị đơn vắng mặt lần thứ nhất. Hội đồng xét xử đã hoãn phiên toà. Quyết định hoãn phiên toà ấn định thời gian mở lại phiên toà vào ngày 14/6/2019 đã được tổng đạt hợp lệ. Hôm nay bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BB829253, vào sổ số CH04651 do chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/06/2010 có đủ cơ sở xác định phần diện tích đất, nhà tọa lạc tại địa chỉ A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh Thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của ông Hoàng Văn Tài và bà Phạm Thị Hiền.

Bà Phạm Thị H chết ngày 13/5/2015, không để lại di chúc. Căn cứ Điều 611, Điều 613, Điều 649, Điều 650 Bộ luật Dân sự năm 2015, Thời điểm mở thừa kế là ngày 13/5/2015 và di sản của bà Hiền được chia theo pháp luật.

Căn cứ kết quả xác minh của Công an phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, có cơ sở xác định cha mẹ bà H là ông Phạm Xuân H và bà Tăng Thị H đã chết trước bà Hiền.

Căn cứ giấy khai sinh, lời thừa nhận của các đương sự có đủ cơ sở xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà Phạm Thị Hiền tại thời điểm mở thừa kế gồm chồng

và các con: ông Hoàng Văn T, Hoàng Thị Bích L, Hoàng Thị Bích D, Hoàng Thị Ngọc Y, Hoàng Đức H, Hoàng Thị Lâm C, Hoàng Thị Ngọc C, Hoàng Bội T, Hoàng Giang T.

Áp dụng khoản 1 Điều 29, khoản 2 Điều 66 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015; Điều 612 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định di sản thừa kế của bà Phạm Thị Hiền là 1/2 trị giá quyền sử dụng đất, quyền sở hữu căn nhà 345/21/8 Ấu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. ½ giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà còn lại thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của ông Hoàng Văn Tài.

Theo chứng thư thẩm định số 0296/2018/CT ngày 29/6/2018 của Công ty TNHH Tư vấn và thẩm định Vaska quyền sử dụng đất, quyền sở hữu căn nhà A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh trị giá 3.281.275.872đ (ba tỷ hai trăm tám mươi một triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm bảy mươi hai đồng). Như vậy, tài sản thừa kế của bà Phạm Thị H trị giá 1.640.637.936đ (một tỷ sáu trăm bốn mươi triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng).

Căn cứ Điều 613, 651 Bộ luật Dân sự quy định những người cùng hàng thừa kế được hưởng phần di sản bằng nhau. Như vậy, ông Tài và 8 người con của bà Hiền mỗi người được hưởng 1/9 giá trị di sản, tương đương 1.640.637.936đ/9 = 182.293.104đ (một trăm tám mươi hai triệu hai trăm chín mươi ba nghìn một trăm lẻ bốn đồng).

Căn cứ khoản 2 Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015, các đương sự có thể thỏa thuận về người nhận hiện vật và hoàn kỷ phần thừa kế cho các đồng sở hữu theo trị giá trên; nếu không thỏa thuận được thì hiện vật được bán để chia theo tỷ lệ như trên.

[3]. *Chi phí tố tụng*: Nguyên đơn đã tạm ứng chi phí thẩm định giá là 8.000.000 đồng. Bà Hoàng Thị Ngọc C tự nguyện chịu, không yêu cầu các đồng thừa kế hoàn trả.

[4]. *Án phí dân sự sơ thẩm*: căn cứ điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Những người được nhận tài sản thừa kế phải chịu án phí theo điểm b, 1.3,1 mục II Danh mục án phí lệ phí mỗi người phải chịu là 9.114.655đ (chín triệu một trăm mười bốn nghìn sáu trăm năm mươi lăm đồng).

Các ông bà Hoàng Văn T, Hoàng Thị Bích L, Hoàng Thị Bích D, Hoàng Thị Ngọc Y có đơn xin miễn án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 và Điều 02 Luật Người cao tuổi năm 2009 xét thấy các ông bà trên đủ điều kiện nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1, 2 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2011);

Áp dụng khoản 1 Điều 29, khoản 2 Điều 66 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015.

Áp dụng Điều 612, Điều 613, Điều 651, khoản 2 Điều 660 Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; khoản 7 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ngày 30/12/2016, điểm b mục I Danh mục án phí lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị Ngọc Châu.

2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà Phạm Thị Hiền tại thời điểm mở thừa kế gồm: ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị Bích L, bà Hoàng Thị Bích D, bà Hoàng Thị Ngọc Y, ông Hoàng Đức H, bà Hong Thị Lâm C, bà Hoàng Thị Ngọc C, ông Hoàng Bội T, ông Hoàng Giang T.

3. Xác định quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất toạ lạc tại địa chỉ A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB829253, vào sổ sổ CH04651 do chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/06/2010 là tài sản chung của bà Phạm Thị Hiền và ông Hoàng Văn Tài.

4. Xác định di sản của bà Phạm Thị H là $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất toạ lạc tại địa chỉ 345/21/8 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh có giá trị tương đương 1.640.637.936đ (một tỷ sáu trăm bốn mươi triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng).

5. Di sản của bà Phạm Thị H được chia đều cho các ông bà: ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị Bích L, bà Hoàng Thị Bích D, bà Hoàng Thị Ng, ông Hoàng Đức H, bà Hoàng Thị Lâm C, bà Hoàng Thị Ngọc C, ông Hoàng Bội T, ông Hoàng Giang T. Mỗi người được nhận $\frac{1}{9}$ giá trị, tương đương 182.293.104đ (một trăm tám mươi hai triệu hai trăm chín mươi ba nghìn một trăm lẻ bốn đồng).

6. Các đương sự có quyền thoả thuận người nhận hiện vật, hoàn phần thừa kế cho các đồng sở hữu khác. Nếu không thoả thuận được thì một trong các đồng thừa kế có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà toạ lạc tại địa chỉ A, phường B, C, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB829253, vào sổ sổ CH04651 do chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/06/2010 để thi hành án. Số tiền phát mãi, sau khi trừ các chi phí, lệ phí hợp lý sẽ chia thành hai phần bằng nhau. Ông Hoàng Văn T được sở hữu $\frac{1}{2}$ số tiền đó. Số còn lại sẽ chia đều cho các đồng thừa kế của bà Phạm Thị H là ông ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị Bích L, bà Hoàng Thị Bích D, bà Hoàng Thị Ng, ông Hoàng Đức H, bà Hoàng Thị Lâm C, bà Hoàng Thị Ngọc C, ông Hoàng Bội T, ông Hoàng Giang T.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

7.1 Các ông bà Hoàng Đức H, Hoàng Thị Lâm C, Hoàng Bội T, Hoàng Giang T mỗi người phải chịu án phí 9.114.655đ (chín triệu một trăm mười bốn nghìn sáu trăm năm mươi lăm đồng).

7.2 Bà Hoàng Thị Ngọc C phải chịu án phí 9.114.655 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí số AA/2017/0047920 ngày 12/10/2017 tại Cục thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Hoàng Thị Ngọc C còn phải nộp 6.614.655đ (sáu triệu sáu trăm mười bốn nghìn sáu trăm năm mươi lăm đồng).

7.3 Miễn án phí cho các ông bà Hoàng Văn T, Hoàng Thị Bích L, Hoàng Thị Bích D, Hoàng Thị Ngọc Y.

8. Quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

9. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

10. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND, VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Cục THADS TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS (T/17).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Diệp